TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2023

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng;

2. Ông Nguyễn Văn Quý.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H - Sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C - Sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình C kết hôn với nhau vào ngày 26 tháng 11 năm 2018, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phố T, phường Q, thành phố T. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ 2020 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trịnh Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đình C không có con chung,

chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H và anh C không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Đình C trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C đến Tòa án để làm bản tự khai, đến phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng anh C không đến Tòa án để làm việc theo triệu tập của Tòa án, do đó Tòa án không lấy được lời khai, không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải được.

Tại phiên tòa chị Trịnh Thị H vắng mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Đình C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng là bị đơn không đến Tòa án làm bản tự khai, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa, không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa.Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đình C kết hôn với nhau vào ngày 26 tháng 11 năm 2018, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay không ai quan tâm đến ai, xác định mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài anh chị đã sống ly thân từ 2020 cho đến nay. Chị H làm đơn ly hôn anh Nguyễn Đình C là có căn cứ.

Về con cái: Chị H và anh C không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Trịnh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình C (bị đơn) vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng anh C không đến Tòa án. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Đình C.

[2]. Về hôn nhân: Căn cứ các bút lục số 01, 06, 24, 25, 27 thì chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đình C kết hôn với nhau vào ngày 26 tháng 11 năm 2018, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, điều này đã được thể hiện qua lời khai của chị H, bà Hồ Thị T (Mẹ đẻ anh C) và xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh C đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình C.

[3] Về con chung: Căn cứ các bút lục số 06; 24; 25; 27 thì chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đình C không có con chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét

[4]. Về tài sản chung: Căn cứ Bút lục số 06; 24; 25; 27 thì chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét

[5]. Về công nợ chung: Căn cứ Bút lục số 06; 24; 25; 27 chị H và anh C không có công nợ chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án xem xét.

[6] Về án phí*:* Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27**,** khoản 1.1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 §iÒu 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27**,** khoản 1.1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân*:* Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình C.

2. Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đình C không có con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trịnh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. VÒ án phí*:* Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003170 ngày 30/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND ph Quảng Tâm ;
- Lưu Hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Nguyệt